TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HS-ST
Ngày 11/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Nguyễn Thị An**.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Long – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo: **Trần Văn H**, sinh ngày 28/5/1982 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn S và bà Trần Thị H; Vợ: Bùi Thị L, có 01 con; Tiền án: 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2016/HSST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2015 chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2022, chưa chấp hành án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và trách nhiệm dân sự bồi thường cho bị hại; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HSST ngày 28/7/2000 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2000 chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2000, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và nộp phạt xong công quỹ nhà nước số

tiền 204.000 đồng ngày 05/6/2001; Bản án hình sự sơ thẩm số 10/HSST ngày 03/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2001 chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2002, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/6/2006; Bản án hình sự sơ thẩm số 04/HSST ngày 26/2/2003 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2002 và buộc Trần Văn H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N, trú tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 90.000 đồng: buộc phải bồi thường cho ông Phạm Văn D, trú tại xóm 6, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình số tiền 1.960.000 đồng. Trần Văn H đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2004, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm ngày 17/9/2008. Qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đến nay bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn D không có đơn yêu cầu thi hành án.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2005/HSST ngày 21/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 06 tháng tù về tội "Trốn khi đang bị dẫn giải", chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/9/2006, ngày 20/9/2013, được xét miễn thi hành án phí hình sự sơ thẩm theo Quyết định số 30/QĐ-MTHA ngày 20/9 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2007/HSST ngày 07/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2006 chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/7/2009, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 25/9/2007, án phí dân sự sơ thẩm ngày 15/4/2007, trách nhiệm dân sự bồi thường cho bị hại xong ngày 15/4/2007. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/3/2023 đến ngày 09/3/2023 chuyển tạm giam cho đến nay.

** Người chứng kiến:*

1. Ông Tống Gia N1, sinh năm 1952, trú tại: Đường P, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1965, trú tại: phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt ông N1, ông H1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 06/3/2023, Trần Văn H đi xe ôm từ nhà đến khu vực đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình mua của một người nam giới không biết tên, địa chỉ 02 gói ma túy với giá 200.000 đồng rồi đi tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi H đi đến khu vực trước cửa số nhà 45/5, đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, thì bị tổ công tác Công an phường Q, thành phố T phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Tống Gia N1 và ông Nguyễn Thanh H1, H tự giác giao nộp 02 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục cho tổ công tác và khai nhận đó là Heroine mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác quản lý của Hai 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, đã cũ.

Bản Kết luận giám định số 309/KL-KTHS(MT) ngày 07/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật quản lý của Trần Văn H gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine) có khối lượng 0,2309 gam.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 110/CT-VKSTPTB ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Trần Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại hoàn trả sau giám định. Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, đã cũ.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tôi đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản kiểm tra và quản lý điện thoại; Bản kết luận giám định số 309/KL-KTHS(MT) ngày 07/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến; các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 06/3/2023 tại khu vực trước cửa số nhà 45/5, đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình tổ công tác Công an phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang Trần Văn H có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,2309 gam, mục đích sử dụng cho bản thân.

Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;..."

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2016/HSST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" thep quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình

điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về vật chứng của vụ án: Số Heroine còn lại sau giám định là 0,1780 gam thu giữ của bị cáo, đây là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh, đã cũ thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua ma túy của người nam giới không biết tên, địa chỉ tại khu vực đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình và người xe ôm chở bị cáo đến chỗ mua ma túy, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ, nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,1780 gam ma túy, loại Heroine được hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 309/KL-KTHS(MT) của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO vỏ màu xanh.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2023./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thị Tuyết